

HYBRID **n-COAT**

HIGH PERFORMANCE **HYBRID COAT**
ECO-FRIENDLY FLOORING

ECO-FRIENDLY FLOORING

CONTENTS

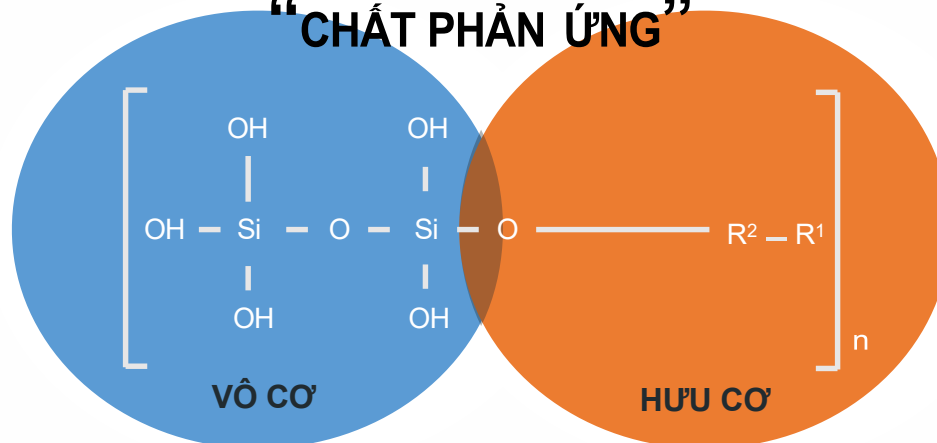


1. N-COAT là gì
2. Hệ thống sàn HYBRID
3. Dòng sản phẩm N - Coat
4. Đặc tính kỹ thuật
5. Hiệu quả kinh tế của N – Coat và các đối tác toàn cầu

WHAT & WHY



“CHẤT PHẢN ỨNG”



VÔ CƠ

- ✓ Không cháy
- ✓ Kháng mài mòn cao
- ✓ Độ bền lâu dài
- ✓ Tạo khoáng CSH
- ✓ Chống bám bẩn
- ✓ Liên kết hóa học

HỮU CƠ

- ✓ Bám dính cao
- ✓ Tính linh hoạt
- ✓ Kháng nước tốt
- ✓ Kháng hóa chất
- ✓ Kháng va đập tốt
- ✓ Dẻo dai
- ✓ Liên kết vật lý

HYBRID BUILDn COAT IS LIKE GLASS FLOOR

HYBRID
BUILDn COAT

CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI NHƯ SÀN NHÀ TRẮNG GƯƠNG



KHÔNG CHÁY

Đạt điểm cao nhất trong thử nghiệm chống cháy



CHỐNG BĂM BẦN

Dễ dàng vệ sinh (chỉ cần dùng nước)



CHỐNG MÀI MÒN ĐỘ BỀN CAO

Thời gian sử dụng gấp 3 – 5 lần epoxy



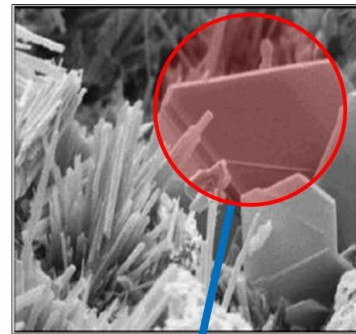
KHÁNG HÓA CHẤT

Nước/ dầu/ axit mạnh

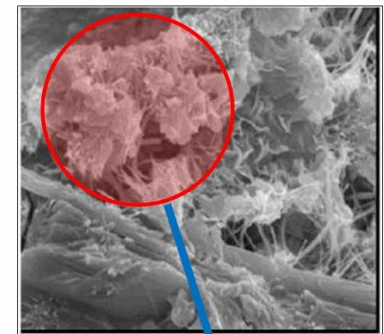
LIÊN KẾT CHẮC CHẮN VỚI NỀN BÊ TÔNG BẰNG NGUYÊN LÝ HÓA HỌC VÀ VẬT LÝ



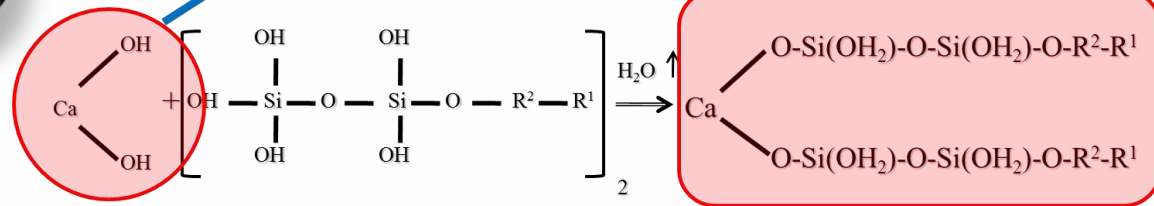
TẠO LIÊN KẾT RIÊNG BIỆT VỚI BÊ TÔNG NỀN



Calcium Hydroxide



Tạo khoáng CSH bằng phản ứng của N - Coat với Ca(OH)₂



ĐÁP ỨNG 03 YÊU CẦU CẦN THIẾT CỦA LỚP PHỦ HOÀN THIỆN SÀN

1

KHÔNG BONG RỘP

- ❖ Thẩm thấu vào bê tông
- ❖ Liên kết cộng hóa trị

2

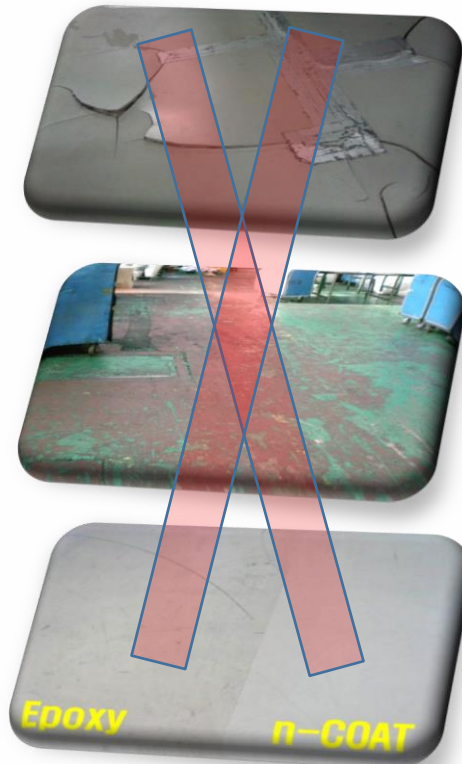
Bền vững

- ❖ Độ cứng đạt bút chì 3~5H
- ❖ Thời gian sử dụng gấp 3 lần

3

Dễ bảo trì

- ❖ Dễ vệ sinh, chỉ dùng nước
- ❖ Khô nhanh gấp 6 lần



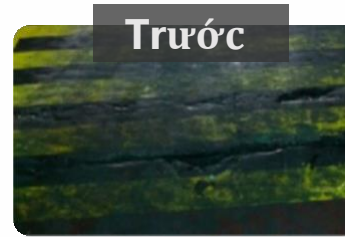
N- COAT ĐÁP ỨNG HOÀN HẢO YÊU CẦU CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT



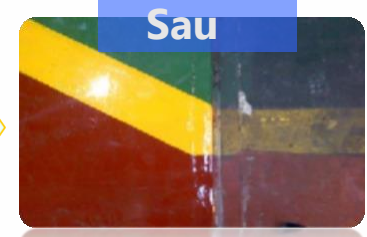
Sơn lại hàng năm do bề mặt xuống cấp gây ô nhiễm



Sử dụng 03 năm không cần sửa chữa



Trầy xước do vật nặng



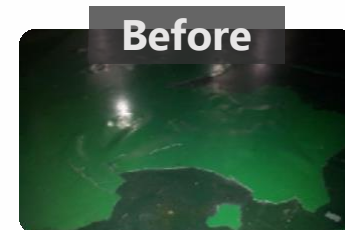
Chống mài mòn lâu dài



Việc sửa chữa làm chậm trễ quá trình sản xuất



Đóng rắn nhanh, chỉ cần 01 ngày để thi công



Bị hỏng do nước nóng và hóa chất



Bền với hóa chất và nước nóng

YÊN TĨNH, AN TOÀN, VÀ LUÔN NHƯ NHỮNG SÀN ĐỒ XE MỚI



Bị mài mòn nghiêm trọng ở vị trí ram dốc



Chống mài mòn và độ bám dính cao



Trơn trượt và tiếng ồn



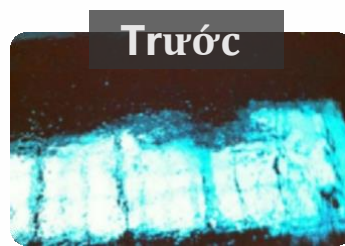
Chống trơn trượt, yên tĩnh và an toàn



Việc rắc cát thạch anh phân bố không đều



Dùng máy phun khí nén, hạt tạo nhám phân bố đều



Phản xạ ánh sáng, kém sang trọng



Bóng mờ sang trọng

AN TOÀN VÀ DỄ BẢO TRÌ



Bắt lửa



Không bắt lửa, đạt điểm cao nhất trong thử nghiệm cháy



Sàn trơn trượt



An toàn – chống trượt



Với phòng kín, không sử dụng epoxy do tính độc hại



Đạt tiêu chuẩn cho việc sử dụng trong phòng kín

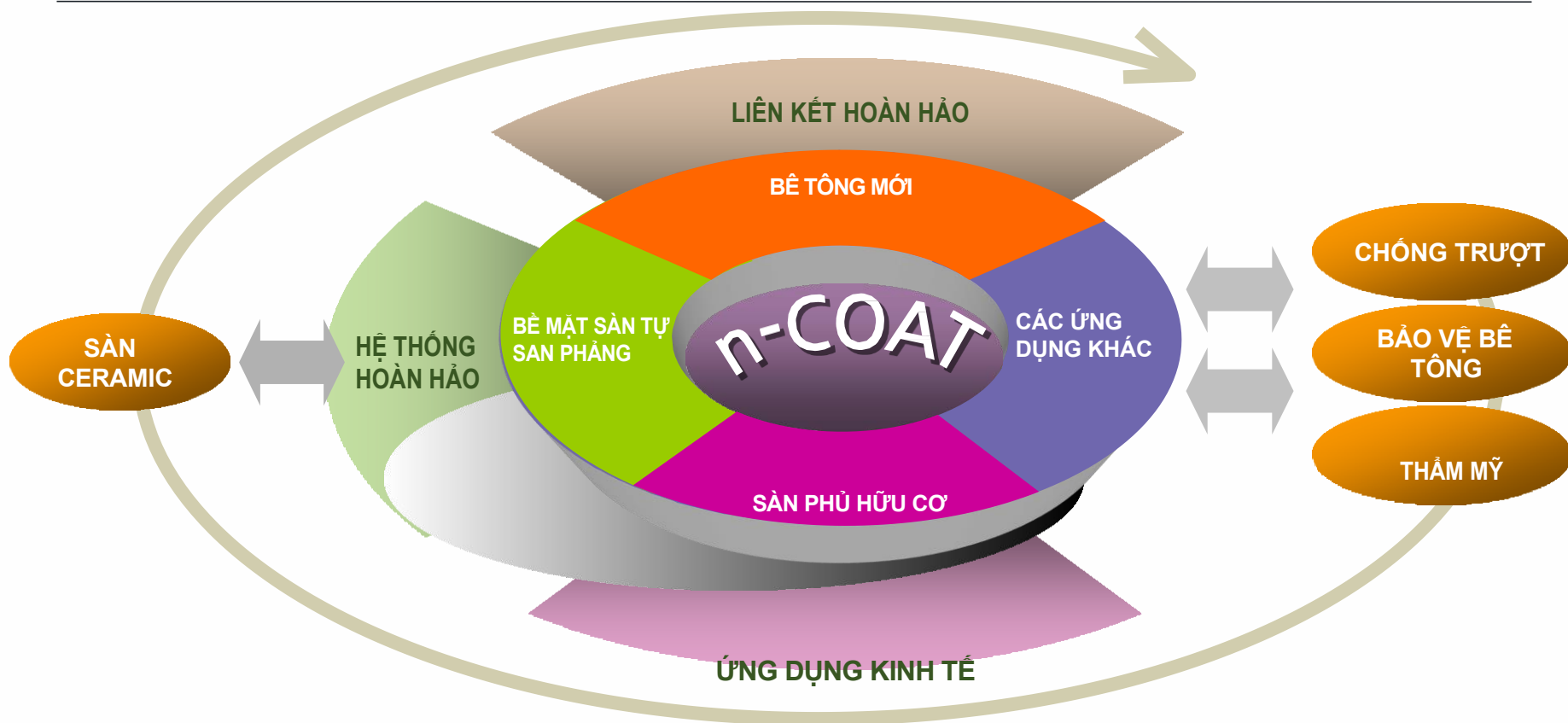


Việc đánh bóng lại gây ô nhiễm và gây nứt

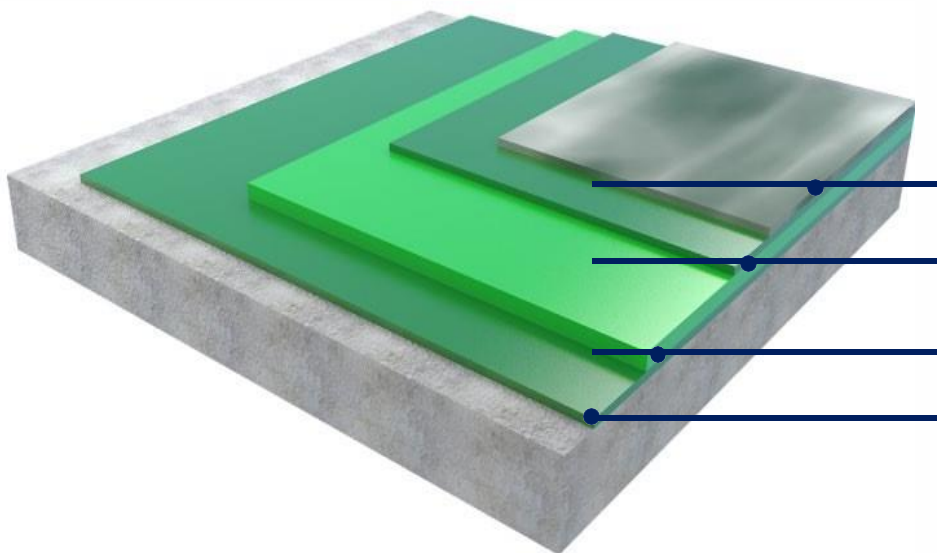


Chỉ cần phủ lại, dễ bảo trì

CHỈ CẦN 1 SẢN PHẨM, ÍT THỜI GIAN CHỜ, TIẾT KIỆM CHI PHÍ



LIÊN KẾT HOÀN HẢO NHỜ KHẢ NĂNG THÂM NHẬP



	Sản phẩm	Định mức (kg/m ²)	Phương pháp thi công
3 rd Lớp	n-COAT (trong suốt)	0.15	Máy phun, Rulo góc đầu
2 nd Lớp	n-COAT (màu)	0.1	Máy phun, Rulo góc đầu
Sửa vết nứt	n-COAT Putty	0.1	Gạt cao su
1 st Lớp	n-COAT (màu)	0.1~0.15	

- ❖ 03 lớp phủ (lớp lót, giữa và lớp trên)
- ❖ Với lớp phủ trên cùng cần lớp N – Coat trong suốt để tăng khả năng kháng mài mòn, kháng khuẩn, chống bám bẩn và không bắt lửa.

THI CÔNG LÊN SÀN BÊ TÔNG MỚI



Chuẩn bị bề mặt



1st n-COAT(màu)



Vữa epoxy (sửa chữa nứt)



2nd n-COAT(màu)

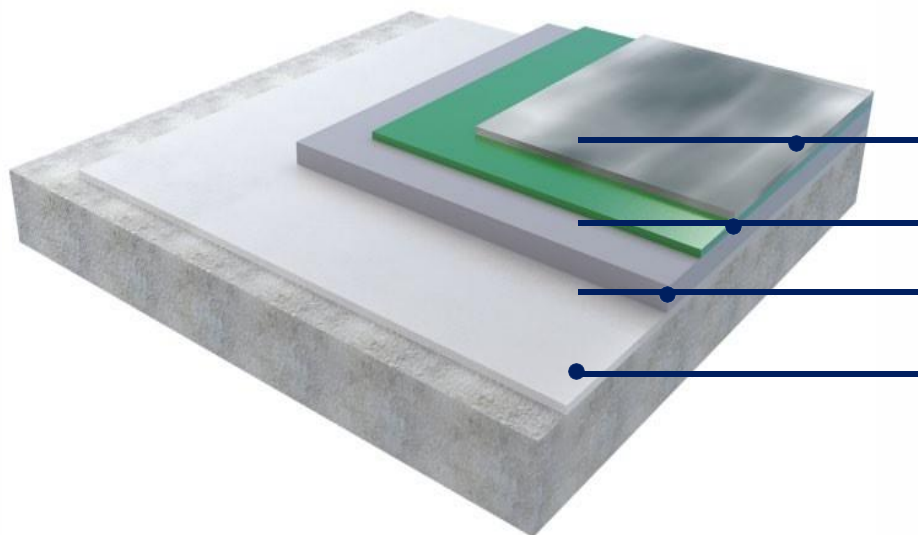


3rd n-COAT(trong suốt)



Bóng Bóng mờ

VỮA TỰ SAN PHẪNG VÔ CƠ, LỚP PHỦ VÔ CƠ



	Sản phẩm	Định mức (kg/m ²)	Phương pháp tc
3 rd Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.15	Máy phun, Rulo góc đầu
1 st & 2 nd Lớp	n-COAT (màu)	0.18~0.2	Máy phun, Rulo góc đầu
Ceramic Tự san phẳng	n-FLOOR(3mm)	5.4	Bay, Rulo gai
Lớp lót	n-PRIMER	0.18	Rulo góc đầu

- ❖ Với sàn không bằng phẳng hoặc cần sửa chữa, sử dụng vữa tự san phẳng gốc xi măng từ 3 – 5 mm, sau đó hoàn thiện bằng n – coat.

ON SELF-LEVELING MORTAR

THI CÔNG LỚP N – COAT CHỐNG TRƯỢT TRÊN NỀN VỮA TỰ SAN PHẪNG



① chuẩn bị bề mặt và thi công lớp 1



② phun lớp chống trượt thứ



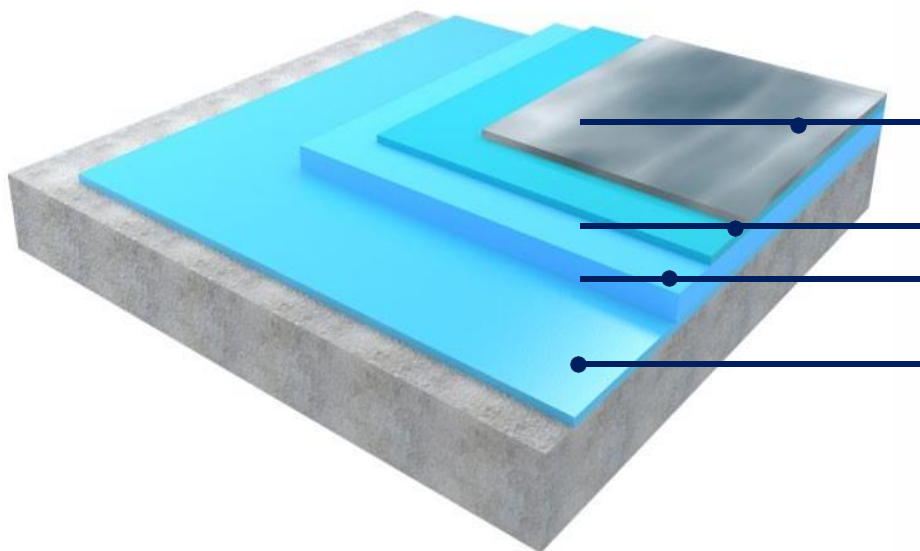
③ lớp thứ 3 trong suốt



Kết thúc lớp thứ hai

ON EPOXY FLOORING

N-COAT BẮM DÍNH TỐT TRÊN NỀN EPOXY CŨ



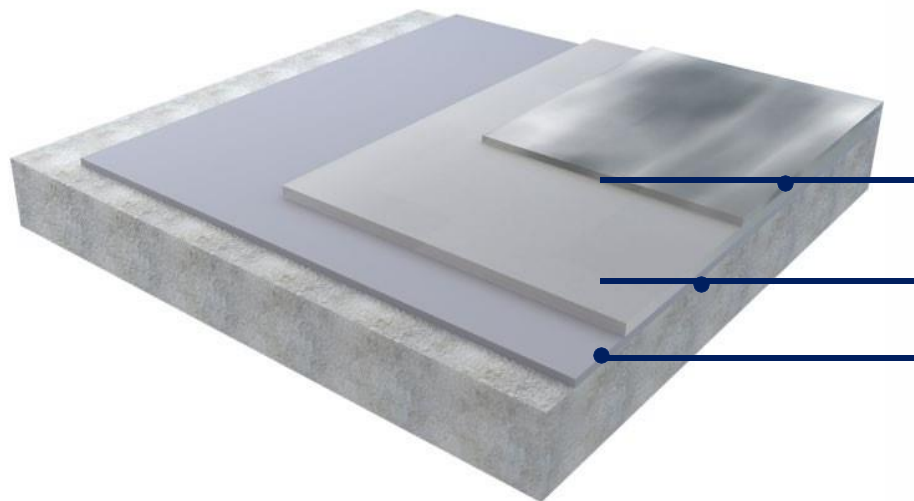
	Sản phẩm	Định mức (kg/m ²)	Phương pháp tc
2 nd Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.15	Máy phun, Rulo góc đầu
1 st Lớp	n-COAT (màu)	0.1	Máy phun, Rulo góc đầu
Tự san phẳng	Epoxy (2~3mm)	2.6~3.9	Máy phun, Rulo góc đầu
Lớp lót	Epoxy	0.25~0.4	Rulo góc đầu

- ❖ Để hoàn thiện sàn epoxy cũ, chà nhám, thi công 01 lớp n – coat màu và hoàn thiện bằng 01 lớp n – coat trong suốt.

SỬA CHỮA SÀN EPOXY BẰNG N - COAT



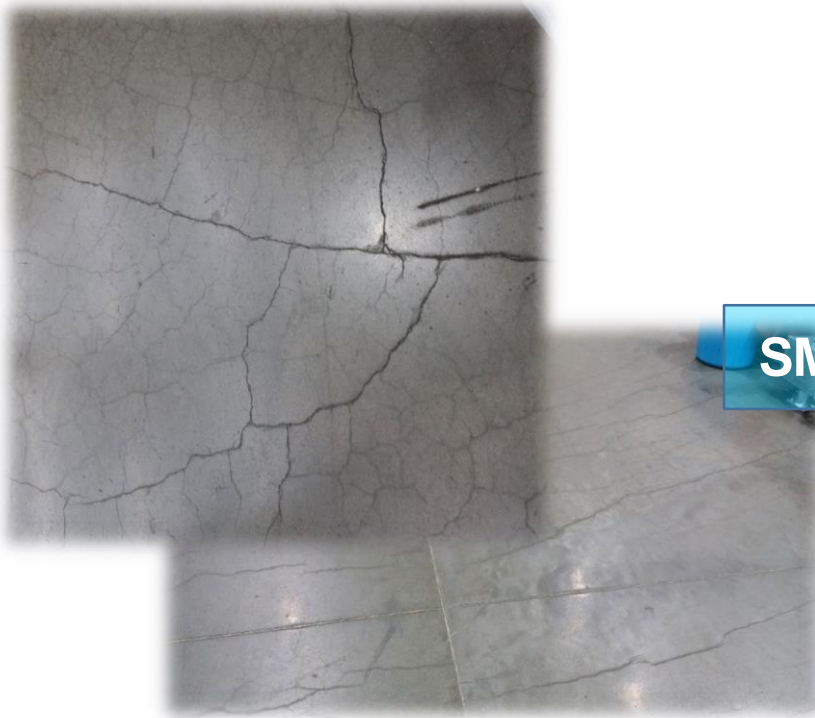
ĐÁNH BÓNG TRONG SUỐT VỚI 03 LỚP N - COAT



	Sản phẩm	Định mức (kg/m ²)	Phương pháp tc
3 rd Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.15	Máy phun, Rulo sơn dầu
2 nd Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.1~0.15	Máy phun, Rulo sơn dầu
1 st Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.15~0.2	Rulo sơn dầu

- ❖ Giảm được nhiều bước so với đánh bóng thông thường, an toàn và chất lượng cao hơn

LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐÁNH BÓNG SÀN BÊ TÔNG BẰNG N - COAT



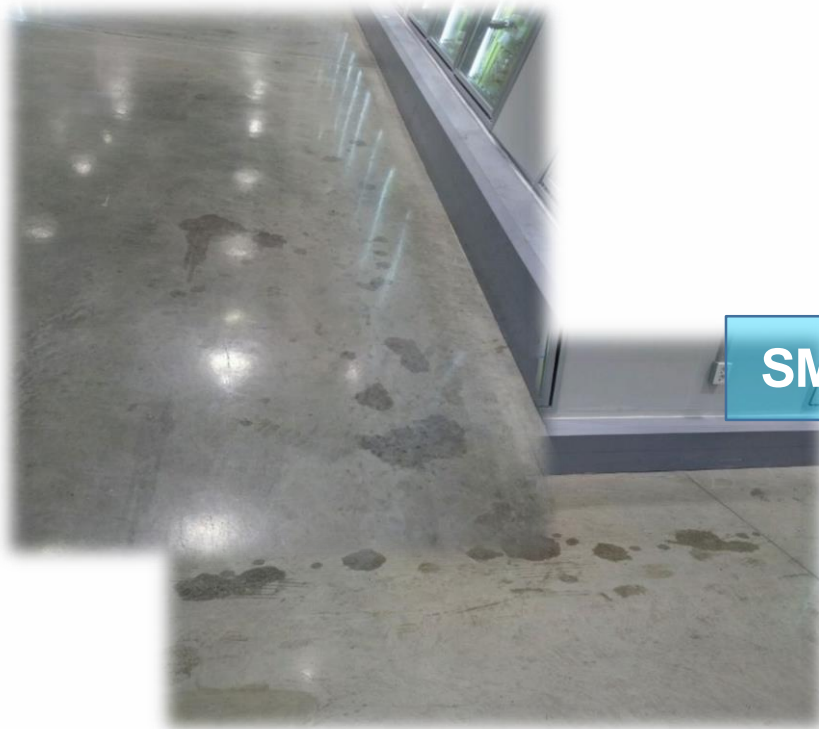
RẤT KHÓ SỬA CHỮA

SMART



DỄ DÀNG SỬA CHỮA VẾT NỨT VÀ MÔI NÔI

LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐÁNH BÓNG SÀN BÊ TÔNG BẰNG N - COAT



DỄ BỊ Ô NHIỄM

SMART



DỄ DÀNG BẢO TRÌ

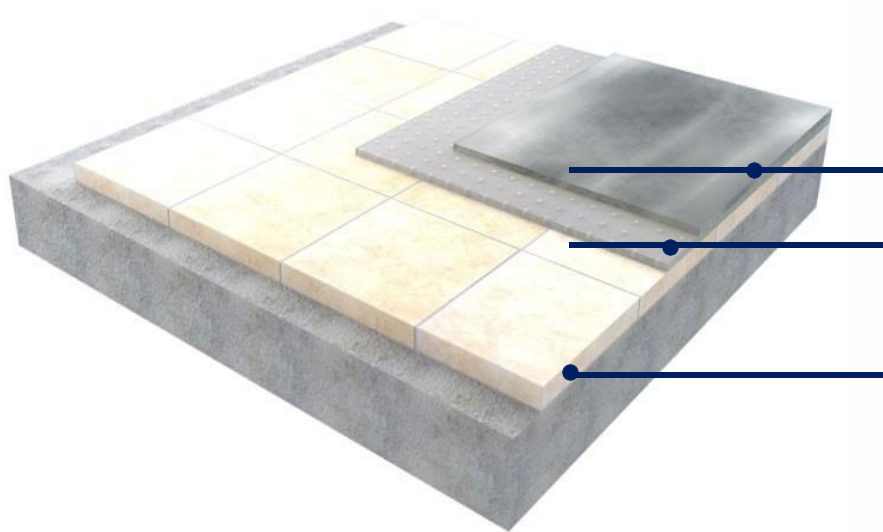
ỨNG DỤNG CÔNG NGHIỆP



ỨNG DỤNG DÂN DỤNG



ỨNG DỤNG CHỐNG TRƠN TRƯỢT CHO SÀN HIỆN HỮU



	Sản phẩm	Định mức (kg/m ²)	Phương pháp tc
2 rd Lớp	n-COAT (Trong suốt)	0.1	Máy phun, Rulo sơn dầu
1 st Lớp	n-COAT (Trong suốt)+hạt cầu chống trượt	0.1	Máy phun, Rulo sơn dầu
NỀN GẠCH, ĐÁ MARBLE, BÊ TÔNG, ĐÁ GRANITE, PVC, ...			

- ❖ Cách đơn giản nhất để bảo vệ và chống trượt cho nền gạch, đá cẩm thạch, pvc, có thể sử dụng trên tường với các mục đích khác nhau.
- ❖ Phải kiểm tra khả năng tương thích của n – coat và nền trước khi thi công, n – coat có thể bám dính hoặc trượt trên một số vật liệu nền nhất định (như gạch bóng kiếng, sàn đã xoa hardener hoặc liquid hardener, phải mài bỏ ít nhất 1mm mặt sàn).

MỘT SỐ ỨNG DỤNG KHÁC



N – COAT ĐẶC BIỆT CHO MỘT SỐ ỨNG DỤNG ĐẶC BIỆT



LỚP PHỦ CHỐNG TĨNH ĐIỆN

HYBRID *n-coat* AS

LỚP PHỦ KHÁNG AXIT

HYBRID *n-coat* AR

LỚP TỰ SAN PHẪNG VÔ CỰC

n-FLOOR

SÀN NGHỆ THUẬT TỰ SAN PHẪNG

n-DECO

LỚP PRIMER N - COAT

HYBRID *n-coat* PRIMER

LỚP LÓT N - PRIMER

n-PRIMER

LỚP PHỦ N – COAT CHỐNG TĨNH ĐIỆN VĨNH VIỄN

HYBRID n-coat AS Có khả năng chống tĩnh điện tuyệt vời, với điện trở xuất $10^5 \sim 10^8 \Omega/m^2$. Khả năng chống mài mòn vượt trội cho phép chống tĩnh điện vĩnh viễn, công nghệ chuyên biệt cho phép ứng dụng đơn giản mà không cần xử lý dây đồng.



- nhà máy bán dẫn
- Dây chuyền sản xuất bán dẫn
- Sàn nhà nhạy cảm với lỗi điện và tiếng ồn cho thiết bị đo lường chính xác
- Phòng sạch cho nhà máy dược phẩm
- Bệnh viện có thiết bị chẩn đoán

Hạng mục(s)	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả test (s)
Điện trở xuất bề mặt	Ω/m^2	Theo khách hàng	3.2×10^5

HYBRID ACID-RESISTANT COATING

N – COAT AR KHÁNG HÓA CHẤT VÀ AXIT MẠNH



Lớp phủ chuyên dụng cho các hóa chất cực mạnh như: axit nitric, axit sulfuric, axit clohydric, axit axetic, NMP(99.5%) (C₅H₉NO, dung môi hữu cơ có khả năng hòa tan cao).

Chỉ tiêu test (s)	Phương pháp thử	Kết quả test (s)
Axit H ₂ SO ₄ 70% , 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
Axit HCl 30% , 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
Axit HNO ₃ 30%, 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
NaOH bột, 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
H ₂ O ₂ 22%, 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
Bột Ca(OH) ₂ , 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
PO ₄ ³⁻ 70%, 168h kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật
CH ₃ COOH 70%, kiểm tra tại chỗ - ngoại quan	KS M 2812-1 : 2012	Không khuyết tật

- Nhà máy bán dẫn
- Cơ sở dược phẩm
- Nhà máy hóa chất
- Dầu khí
- Nhà máy pin
- Bất kỳ khu vực nào khác tiếp xúc với hóa chất cực độc

✧Official test report by SGS Korea

SÀN NHÀ VỆ SINH KHÁNG KHUẨN

Chỉ tiêu		Kết quả test			Phương pháp	Điều kiện test
		Early Conc. (CFU/mL)	After 24h Conc (CFU/mL)	Reduction rate of bacteria(%)		
Test kháng khuẩn Với vi khuẩn Escherichia coli	BLANK	3.2×10^5	6.7×10^5	-	KCL-FIR-1003 : 2011	(37.0 ± 0.1) °C (32.5 ± 0.2) % R.H.
		3.2×10^5	<u>< 10</u>	<u>99.9</u>		
Test kháng khuẩn Với vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa	BLANK	3.2×10^5	7.2×10^5	-		
		3.2×10^5	<u>< 10</u>	<u>99.9</u>		
Test kháng khuẩn Với vi khuẩn Staphylococcus Aureus	BLANK	2.3×10^5	4.1×10^5	-		
		2.3×10^5	<u>< 10</u>	<u>99.9</u>		
Test kháng khuẩn Với vi khuẩn Salmonella Typhimurium	BLANK	3.3×10^5	6.5×10^5	-		
		3.3×10^5	<u>< 10</u>	<u>99.9</u>		

※ CFU : Colony Forming Unit

Test strain : Escherichia coli ATCC 8739, Pseudomonas aeruginosa ATCC 15442,
Staphylococcus aureus ATCC 6538P, Salmonella typhimurium IFO 14193

KẾT QUẢ TEST KHÁNG KHUẨN

TEST REPORT
No : CT16-046390

7. Test Results

Test Items	Test Results			Test method	Testing Environment
	Early Conc. (CFU/mL)	After 24 h Conc. (CFU/mL)	Reduction rate of bacteria(%)		
Antibacterial test for <i>Escherichia coli</i>	BLANK	3.2×10^5	6.7×10^5	KCL-FIR-1003 (37.0 ± 0.1) °C : 2011 (25.5 ± 0.2) %RH	
Hybrid <i>n</i> -COAT	3.2×10^5	< 10	99.9		
Antibacterial test for <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	BLANK	3.5×10^5	7.2×10^5		
Hybrid <i>n</i> -COAT	3.5×10^5	< 10	99.9		

■ CFU : Colony Forming Unit

■ Inoculum concentration(CFU/mL) : *Escherichia coli* : 3.2×10^5 , *Pseudomonas aeruginosa* : 3.5×10^5

■ Test strain : *Escherichia coli* ATCC 8739
Pseudomonas aeruginosa ATCC 15442

■ Sample : 5 cm × 5 cm, Blank : Stomacher film : 5 cm × 5 cm

Page 2 of 4
QP-20-01-08(4)

TEST REPORT
No : CT16-046389

7. Test Results

Test Items	Test Results			Test method	Testing Environment
	Early Conc. (CFU/mL)	After 24 h Conc. (CFU/mL)	Reduction rate of bacteria(%)		
Antibacterial test for <i>Staphylococcus aureus</i>	BLANK	2.3×10^5	4.1×10^5	KCL-FIR-1003 (37.0 ± 0.1) °C : 2011 (25.5 ± 0.2) %RH	
Hybrid <i>n</i> -COAT	2.3×10^5	< 10	99.9		
Antibacterial test for <i>Salmonella typhimurium</i>	BLANK	3.3×10^5	6.5×10^5		
Hybrid <i>n</i> -COAT	3.3×10^5	< 10	99.9		

■ CFU : Colony Forming Unit

■ Inoculum concentration(CFU/mL) : *Staphylococcus aureus* : 2.3×10^5 , *Salmonella typhimurium* : 3.3×10^5

■ Test strain : *Staphylococcus aureus* ATCC 6538P
Salmonella typhimurium IFO 14193

■ Sample : 5 cm × 5 cm, Blank : Stomacher film : 5 cm × 5 cm

Page 2 of 4
QP-20-01-08(4)

TEST REPORT
No : CT16-046390

7. Test Results



<Picture 1. *Escherichia coli* - BLANK (24 h)>



<Picture 2. *Escherichia coli* - Hybrid *n*-COAT (24 h)>

Page 3 of 4
QP-20-01-08(4)

KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT VƯỢT TRỘI (KHÔNG CHÁY)



SƠN EPOXY



EPOXY TỰ SẢN PHẨM



HYBRID *n-coat*

KHẢ NĂNG CHỐNG MÀI MÒN VÀ ĐỘ CỨNG BỀ MẶT VƯỢT TRỘI

Kết quả thử nghiệm khả năng chống mài mòn (giảm mài mòn: g)



KIỂM TRA ĐỘ CHỐNG MÀI MÒN

- Điều kiện thử nghiệm: H-22, 1,000g, 500 vòng
- 03 mẫu

STT	SƠN EPOXY	EPOXY TỰ SAN PHẪNG	HYBRID <i>n</i> -COAT
1	0.3076	0.2421	0.1926
2	0.2885	0.3155	0.1869
3	0.3049	0.2355	0.1890
Average	0.3003	0.2644	0.1895

ĐỘ BỀN VỚI NƯỚC SÔI



Điều kiện thử nghiệm: nhúng trong nước sôi 8h, kiểm tra độ cứng và độ mạnh.

VẬT LIỆU	BỀ MẶT	ĐỘ CỨNG
SƠN EPOXY	Thay đổi màu sắc, thô ráp	Suy yếu
EPOXY TỰ SAN	Ngả vàng nghiêm trọng	Suy yếu
HYBRID n-coat	Không thay đổi	Không thay đổi

Sơn Epoxy



Epoxy tự san phẳng



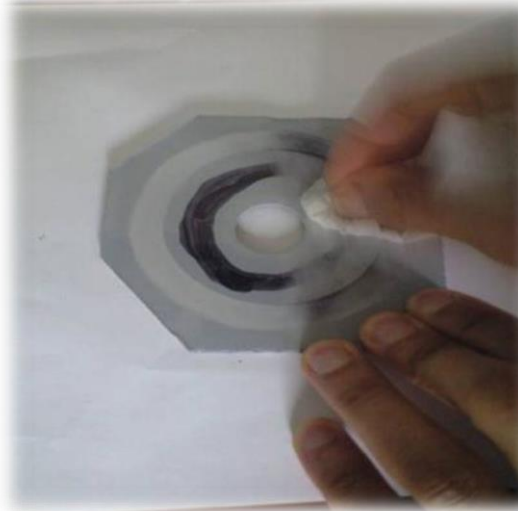
Trước

Sau

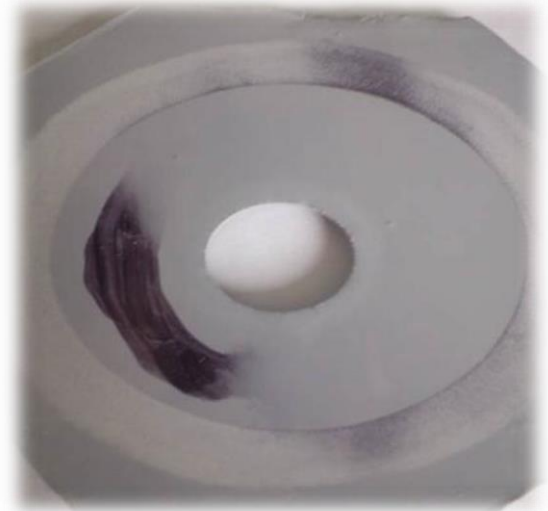
CHỐNG BẦM VƯỢT TRỘI



Vẽ bút lông dầu và để
khô trong 01 giờ

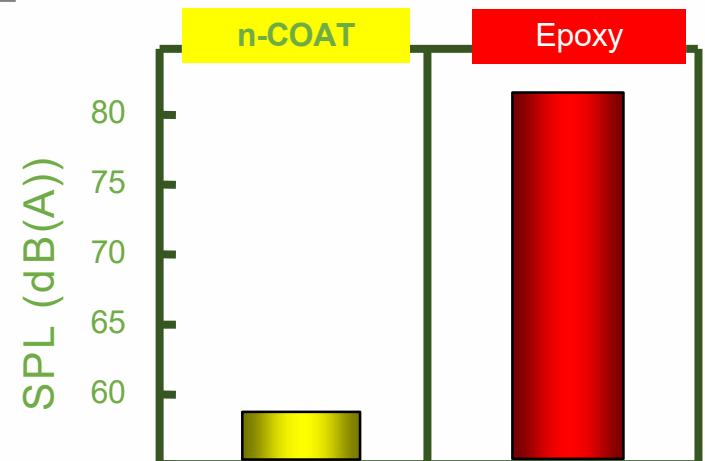
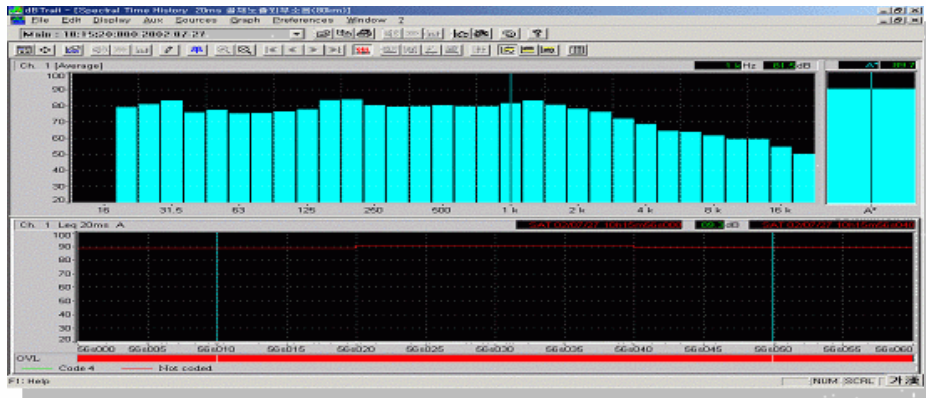
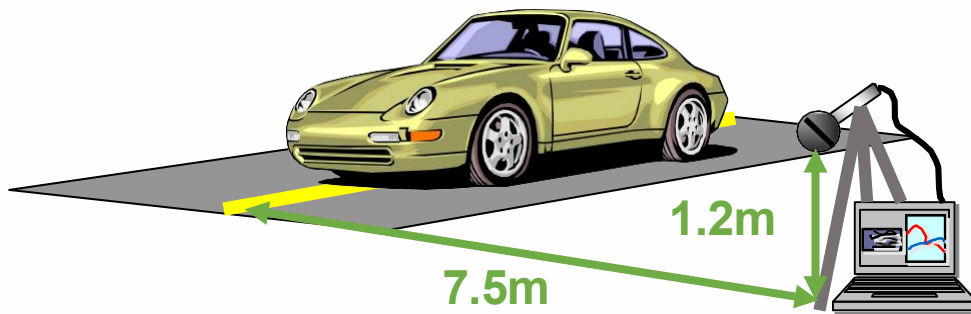


Lau bằng khăn giấy
thấm nước



Lau/ Không lau

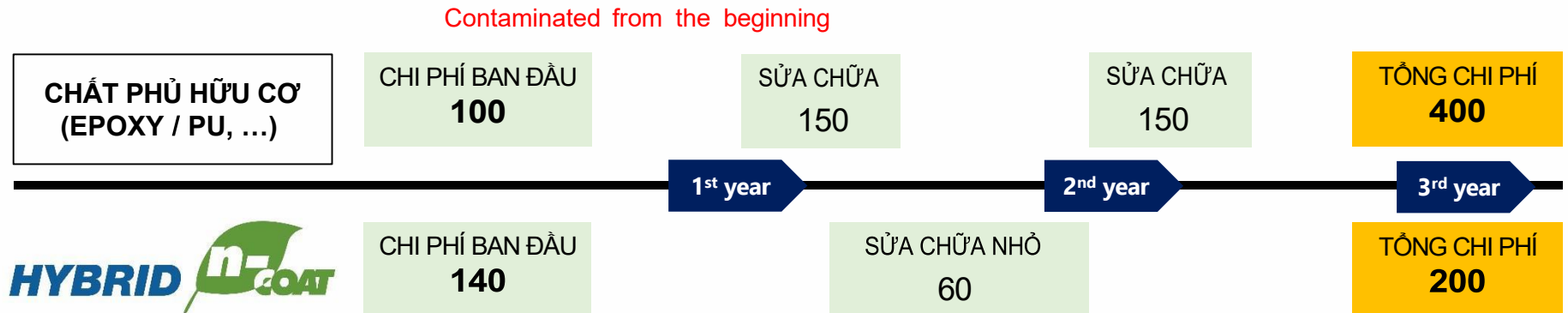
BÃI ĐỖ XE YÊN TĨNH, KHÔNG CÓ TIẾNG KẾT CỬA LỚP XE



ĐỒNG RẮN NHANH, ÍT THỜI GIAN CHỜ VÀ DỄ DÀNG THI CÔNG

	THỜI GIAN THI CÔNG (THỜI GIAN ĐỒNG RẮN)	THỜI GIAN BẢO QUẢN	TỔNG THỜI GIAN CHỜ (đưa vào sử dụng)
EPOXY TỰ SAN	15 giờ/ mỗi lớp 02 lớp Tổng thời gian 30 giờ	48 giờ	Khoảng 07 ngày
	2 giờ/mỗi lớp, tổng 03 lớp Tổng thời gian: 06 giờ (Giảm 80% thời gian thi công)	12 giờ	Sử dụng sau 01 ngày

GIẢM 50% CHI PHÍ SAU 03 NĂM SỬ DỤNG



SỰ HÀI LÒNG CỰC CAO TỪ NGƯỜI DÙNG VÀ CÔNG NHÂN BẢO TRÌ (DỄ VỆ SINH VÀ BẢO TRÌ)

GIẢM 50% CHI PHÍ SAU 03 NĂM SỬ DỤNG



HYBRID IN SUMMARY

HYBRID
BUILD  n-coat

	YOUR BENEFITS
ĐỘ BỀN CAO	Ít chi phí sửa chữa
	Sàn nhà sạch sẽ lâu dài
CHỐNG BẨM BẨN	Đễ dàng vệ sinh
	Tiết kiệm chi phí bảo trì
AN TOÀN	Chống trơn trượt
	Chống cháy
	Sử dụng được sau 02 ngày
ĐƠN GIẢN, NHANH CHỐNG, THI CÔNG DỄ DÀNG	

HYBRID 

**GIẢI PHÁP TỐI ƯU
CHO VẤN ĐỀ CỦA
BẠN**

THANK YOU

HYBRID
BUILDⁿCOAT

